

Bản án số 264/2020/HS-ST
Ngày : 26/05/ 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa:* Ông Nguyễn Triều Châu.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thái Hòa và bà Nguyễn Thị Kim Chi.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tuyền- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- *Đại diện VKSND Thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở TAND Thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số : 246/ 2020/ TLST-HS ngày 08/05/2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 264/2020/QĐXXST-HS ngày 12/05/2020 đối với các bị cáo:

- **Trịnh Quốc K (Trọc Khởi), sinh năm 1987 tại tỉnh Đồng Nai.** Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: 173 khu phố 9, Phường T, Thành phố B, Tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trịnh Quốc K (còn sống) và bà Nguyễn Thị Thúy P (còn sống); Tiền án: Bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản” tại bản án số 19/2019/HSST ngày 10/01/2019; Tiền sự: Không; Về nhân thân: Ngày 19/8/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 04 tháng tù về tội “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Bị cáo bị bắt từ ngày 03/03/2020, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ công an thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, có mặt.

- **Nguyễn Anh T (Bọ Hường), sinh năm 1991 tại tỉnh Cà Mau.** Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: 56 khu phố 9, Phường T, Thành phố B, Tỉnh Đ (Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Anh T khai còn cư trú tại địa chỉ 23/43 khu phố 6, phường Tân Phong, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai); Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Viết D(còn sống) và bà Trần Thị Thu H (còn sống); Tiền án: Có 04 tiền án, cụ thể ngày 27/12/2010, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 04 tháng 09 ngày tù về tội “ Đánh bạc” tại bản án số 604/2010/HSST ngày 27/12/2010; Ngày 22/11/2011 bị Tòa án nhân dân Thành phố Biên Hòa xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 690/2011/HSST ngày 22/11/2011; Ngày 16/12/2014

bị Tòa án nhân dân Thành phố Biên Hòa xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 740/2014/HSST ngày 16/12/2014; Ngày 29/01/2019 bị Tòa án nhân dân Thành phố Biên Hòa xử phạt 08(tám) tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản” tại bản án số 66/2019/HSST ngày 29/01/2019; Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt từ ngày 01/11/2019, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ công an thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, có mặt.

- Bị hại:

+ Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1977. Trú tại: 75/30, tổ 7, khu phố 5A, Phường T, Thành phố B, tỉnh Đ.

+ Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1989. Trú tại: 1344/25/2/18 tổ 31, khu phố 7, Phường T, Thành phố B, Tỉnh Đ.

+ Anh Phan Quốc B, sinh năm 1994. Trú tại: 141/88, khu phố 2, P.Tân Phong, thành phố B, tỉnh Đ.

+ Chị Lê Thị T, sinh năm 1993. Trú tại: Tổ 28B, khu phố Vườn Dừa, P.Phước Tân, thành phố B, tỉnh Đ.

+ Anh Trần Văn D, sinh năm 1976. Trú tại: 158/4, tổ 42, khu phố 9, P.Tân Phong, thành phố B, tỉnh Đ.

+ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990. Trú tại: 1344/25/2/18 tổ 31, khu phố 7. P.Tân Phong, thành phố B, tỉnh Đ.

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Đinh Ngọc C, sinh năm 1985. Trú tại: 131/3, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

(Bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong khoảng thời gian từ ngày 08/9/2019 đến ngày 29/02/2020, Nguyễn Anh T, Trịnh Quốc K và một đối tượng không rõ lai lịch đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp trên địa bàn Thành phố Biên Hòa, cụ thể:

-Vụ thứ nhất: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 09/8/2019, K điều khiển xe mô tô biển số 60X1-1143 chở một đối tượng không rõ nhân thân lai lịch là bạn của K đi đến khu vực ngã tư Phú Thọ thuộc khu phố 5, Phường Trảng Dài Thành phố B thì phát hiện phía trước cửa nhà có dựng 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 39F1-8008 không người trông coi nên K dừng xe lại để bạn của K đi lại trộm xe. Sau khi trộm được xe thì bạn của K ngồi trên xe, còn K điều khiển xe mô tô biển số 60X1-1143 chạy từ phía sau dùng chân đẩy đi về hướng nghĩa địa Thái Hiệp thuộc khu phố 8, phường Tân Phong. Đến nơi K giao xe mô tô và số tiền 1.000.000đ cho bạn K. Còn xe mô tô nhãn hiệu Sirius biển số 39F1-8008 thì K bán cho một người tên Đê không rõ lai lịch được 2.500.000đ. Số tiền này K tiêu xài hết.

Vật chứng vụ án: 01 xe mô tô biển số 39F1-8008 của chị Nguyễn Thị Hồng N do K bán cho một người tên Đê không thu hồi được. Một xe mô tô nhãn hiệu 60X1-1143 K và bạn của K sử dụng vào việc phạm tội hiện chưa bắt được bạn của K nên chưa thu hồi được.

Tại bản kết luận định giá số 112/TCKH-HĐĐG ngày 24/3/2020, kết luận trị giá xe mô tô biển số 39F1-8008 có trị giá là 9.400.000đ. Chị Nguyễn Thị Hồng N yêu cầu bị cáo Trịnh Quốc K bồi thường số tiền 9.400.000đ.

Vụ thứ hai: Khoảng 12 giờ ngày 13/10/2019, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha gắn biển số 67M4-5461 chở K đi xung quanh khu vực phường Tân Phong, thành phố B để tìm nhà ai sơ hở trong việc quản lý tài sản thì lấy trộm. Khi đi ngang qua nhà trọ số 1344/25/2/18, tổ 31, khu phố 7, phường Tân Phong, thành phố B do chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990 và chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1989 thuê ở trọ, K thấy cửa cổng, cửa chính khóa ngoài và không có người trông coi nên K kêu T dừng xe lại. K lấy trong cốp xe ra một cây kim cọng lực rồi nói T đứng bên ngoài canh giới để K vào cắt khóa thì T đồng ý. Sau khi K cắt khóa xong thì K và T đột nhập vào bên trong lấy trộm 02 (Hai) cái điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, 01 (Một) cái máy tính xách tay nhãn hiệu Acer, 01 (Một) cái máy tính xách tay nhãn hiệu Dell, 04 (Bốn) cái giỏ xách, 02 (Hai) ví da và một số giấy tờ tùy thân của chị T và chị Trang. Sau khi lấy trộm được số tài sản trên K và T đi đến cây xăng 75 thuộc phường Tân Phong, thành phố B bán cho một người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) 02 (Hai) cái máy tính xách tay được 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng), số tài sản còn lại thì T đưa K giữ và K đã vứt bỏ số tài sản trên. Số tiền trên cả hai đã chia nhau chia xài hết.

Vật chứng vụ án:

+ 01 (Một) kim cọng lực bằng sắt, kích thước 70cm x 20cm là công cụ K và T dùng vào việc phạm tội.

+ Một USB có chứa hình ảnh đối tượng trộm cắp tài sản tại nhà chị Thủy.

+ Một máy tính xách tay nhãn hiệu Acer, 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell, T và K đã bán cho một người đàn ông không rõ lai lịch nên không thu hồi được.

+ Đối với 02 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 5, bốn cái giỏ xách, 02 ví da và một số giấy tờ tùy thân của chị Thủy và chị Thanh. Số tài sản này Trịnh Quốc K đã vứt bỏ nên không thu hồi được.

+ Đối với 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha gắn biển số 67M4-5461 là phương tiện Nguyễn Anh T và Trịnh Quốc K sử dụng vào việc phạm tội. Hiện chưa thu giữ được do Trịnh Quốc K làm mất xe.

- Tại bản kết luận định giá tài sản số 14/TCKH-HĐĐG ngày 17/01/2020 và biên bản định giá tài sản ngày 03/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên

Hòa kết luận: “ 02 (Hai) cái điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, 01 (Một) cái máy tính xách tay nhãn hiệu Acer, 01 (Một) cái máy tính xách tay nhãn hiệu Dell. Có tổng giá trị tài sản định giá là: 10.423.000 đồng (Mười triệu, bốn trăm hai mươi ba nghìn đồng)”. Chị Nguyễn Thị T yêu cầu T và K phải bồi thường số tiền 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng). Chị Nguyễn Thị Phương T yêu cầu T và K phải bồi thường số tiền 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng).

- **Vụ thứ ba:** Khoảng 12 giờ ngày 21/10/2019, K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius (không rõ biển số) chở T đến khu cư xá Phúc Hải thuộc khu phố 2, Phường Tân Phong, thành phố B để tìm ai sơ hở trong việc quản lý tài sản thì trộm cắp. Khi đi ngang qua nhà số 141/88, Khu phố 2, phường Tân Phong, Thành phố Biên Hòa thì cả hai phát hiện có một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha biển số 47L1-098.42 của anh Phan Quốc Bảo đang dựng trước nhà không có người trông coi nên K dừng xe lại để T đi lại trộm xe. Sau khi lấy trộm được xe thì T ngồi trên xe để K điều khiển xe Yamaha Sirius không rõ biển số chạy phía sau dùng chân đẩy đi về nghĩa địa Thái Hiệp thuộc khu phố 8, phường T rồi bán cho một người tên Tường với giá 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng), số tiền trên T và K chia nhau tiêu xài hết.

Vật chứng vụ án:

Một xe mô tô hiệu Yamaha Sirius không rõ biển số, K khai là mượn của một người bạn. hiện chưa xác định được bạn của K nên chưa thu giữ được.

Đối với một xe mô tô nhãn hiệu Sirius biển số 47L1-098.42 là tài sản của anh Phan Quốc B bị K và T trộm cắp. Sau đó bán cho một người tên Tường không rõ lai lịch nên không thu hồi được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 118/TCKH-HĐĐG ngày 25/03/2020 và biên bản định giá tài sản ngày 03/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa kết luận: Một xe mô tô nhãn hiệu Sirius biển số 47L1-098.42 có trị giá 13.160.000đ. Anh Phan Quốc B yêu cầu các bị cáo K và T bồi thường cho anh B số tiền 13.160.000đ (mười ba triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng).

Vụ thứ tư: Khoảng 09 giờ ngày 24/10/2019, K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha gắn biển số 67M4-5461 chở T đi từ phường T, thành phố B đến phường Trảng Dài, thành phố B chơi. Khi đi ngang qua nhà của anh Nguyễn Văn Duyên, sinh năm: 1962 tại số 26/23, tổ 29, khu phố 3, phường Trảng Dài, thành phố B thì K phát hiện 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S biển số 60B1-162.42 của chị Lê Thị T, sinh năm 1993 trú tại: tổ 28b, khu phố Vườn Dừa, phường Phước Tân, thành phố B đang dựng trước cửa nhà trên xe vẫn còn cắm chìa khóa nên K đã rủ T trộm cắp chiếc xe trên thì T đồng ý. Thực hiện ý định trên, T liền xuống xe lén lút đi lại mở khóa xe rồi điều khiển xe tẩu thoát. Sau đó, T đưa xe mô tô trên

cho K mang đi bán. Khoảng 1 tiếng sau K quay lại gặp T nói bán xe được 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) rồi cả hai chia nhau tiêu xài hết.

Bị mất tài sản chị T đến Công an phường Trảng Dài, thành phố B trình báo sự việc và giao nộp chiếc USB chứa hình ảnh đối tượng trộm cắp xe chị T. Đến ngày 31/10/2019, Công an phường T phối hợp cùng với câu lạc bộ phòng chống tội phạm đang đi tuần tra thì phát hiện thấy Đinh Ngọc C sinh năm 1985 (HKTT: 131/3, khu phố 3, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave biển số 60X3-0595 chở Nguyễn Anh T có biểu hiện nghi vấn và có đặc điểm giống với đối tượng trộm cắp xe chị T nên Công an phường Trảng Dài đã mời T và Chiến về làm việc. Tại Công an thì T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Công an phường Trảng Dài đã lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa để điều tra xử lý theo thẩm quyền.

Vật chứng của vụ án:

+ 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Wave màu đen biển số 60X3-0595 của Đinh Ngọc Chiến. Quá trình điều tra, nguồn gốc chiếc xe mô tô trên C khai mua lại của một người thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ) với giá 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) xe không có giấy chứng nhận đăng ký xe. Qua xác minh nguồn gốc chiếc xe mô tô trên tại phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai thì chủ sở hữu là chị Phan Hồng A, địa chỉ: khu phố 5, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

+ 01 (Một) thước cặp điện tử bằng kim loại dài 21cm, 01 (Một) mỏ lết 12 inch, 300mm, 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, và 01 (Một) biển số xe mô tô 67M4-5461 thu giữ trong cốp xe mô tô nhãn hiệu Wave biển số 60X3-0595 của Đinh Ngọc C.

+ 01 (Một) điện thoại di động Iphone 6S màu hồng. Qua xác minh chiếc điện thoại trên là của Nguyễn T Vũ (Là em ruột của T) cho T mượn sử dụng, do không có liên quan trong vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa, đã trả lại cho Vũ theo quy định của pháp luật.

+ Đối với 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S biển số 60B1-162.42 không thu hồi được. Do Trịnh Quốc K đã bán cho một người không rõ lai lịch.

- Tại bản kết luận định giá tài sản số 493/TCKH-HĐĐG ngày 01/11/2019, của Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa kết luận: “01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S biển số 60B1-162.42 có giá trị tài sản định giá là: 10.200.000 đồng (Mười triệu, hai trăm nghìn đồng)”. Chị Lê Thị T yêu cầu T và K phải bồi thường số tiền 10.200.000 đồng (Mười triệu hai trăm nghìn đồng).

Vụ thứ năm: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 29/02/2020, K đi bộ ngang qua nhà anh Trần Văn Dũng tại số 158/4 thuộc tổ 42, khu phố 9, phường Tân Phong, Thành

phố B thì K phát hiện cửa cổng không khóa, trong sân nhà có dựng một xe Airblade biển số 60F3-444.78 không có người trông coi nên K đã lên lút đột nhập vào trong dẫn chiếc xe ra ngoài rồi đẩy xe đến khu vực bờ kè thuộc khu phố 8, phường Tân Phong, thành phố B. Tại đây K nối dây điện rồi nổ máy xe chạy về phòng trọ của K tại phường Trung Dũng, Thành phố Biên Hòa rồi mở cốp xe ra thấy một bóp da bên trong có 1.000.000đ và một số giấy tờ tùy thân. Sau đó K lấy biển số xe 60B7-413.02 thay thế biển số 60F3-444.78 gắn vào xe mô tô trên và cho một người tên Đại mượn sử dụng. Đến ngày 03/3/2020, Trịnh Quốc K bị Công an thành phố Biên Hòa bắt giữ để xử lý.

Vật chứng của vụ án:

Một xe mô tô hiệu Airblade gắn biển số 60B7-413.02 đã thu hồi và trả cho anh Trần Văn D.

Một USB chứa hình ảnh đối tượng trộm cắp tại nhà anh D.

Đối với biển số xe 60F3-444.78 không thu hồi được do K đã vứt bỏ.

Đối với biển số 60B7-413.02 K khai là nhặt được tại khu vực phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa. Công an thành phố Biên Hòa tạm giữ để xử lý sau.

Đối với 01 bóp da và giấy tờ tùy thân của anh Dũng. Trịnh Quốc K đã vứt bỏ không thu hồi được.

- Tại bản kết luận định giá tài sản số 119/TCKH-HĐĐG ngày 25/03/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B đã kết luận: một xe Airblade biển số 60F3-444.78 có trị giá là 35.409.090 (ba mươi lăm triệu bốn trăm lẻ chín ngàn không trăm chín mươi đồng). Anh D đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo K bồi thường về dân sự.

Tại phiên tòa những người bị hại vắng mặt nhưng đã có đơn trình bày cụ thể: yêu cầu các bị cáo bồi thường về dân sự theo quy định của pháp luật. Cụ thể chị Nguyễn Thị Hồng N yêu cầu bị cáo Trịnh Quốc K bồi thường số tiền 9.400.000đ (chín triệu bốn trăm ngàn đồng); Chị Lê Thị T yêu cầu các bị cáo K và T bồi thường 10.200.000đ (mười triệu hai trăm ngàn đồng); Anh Phan Quốc B yêu cầu bị cáo K và D bồi thường số tiền 13.160.000đ (mười ba triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng); Chị T và chị Thanh có đơn xin vắng mặt và yêu cầu bị cáo K và T bồi thường theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo trình bày: Các bị cáo đồng ý với bản cáo trạng Viện kiểm sát Thành phố Biên Hòa truy tố. Về dân sự các bị cáo đồng ý bồi thường cho những người bị hại theo kết luận của Hội đồng định giá. Ngoài ra các bị cáo không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Trịnh Quốc K phạm tội “trộm cắp tài sản” theo điểm b, c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự và bị cáo Nguyễn Anh

T phạm tội “ Trộm cắp tài sản” theo điểm b, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Các bị cáo là người có nhân thân xấu, các bị cáo phạm tội nhiều lần và có tính chuyên nghiệp. Bị cáo K là người khởi xướng, rủ rê bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội. Giá trị tài sản do bị cáo K chiếm đoạt trên 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), bị cáo K có 01 tiền án chưa được xóa án tích và phạm tội thuộc trường hợp tái phạm. Bị cáo T phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Tuy nhiên tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Về mức hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Trịnh Quốc K từ 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng đến 05 (năm) năm tù; Bị cáo Nguyễn Anh T từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.

Đối với anh Đinh Ngọc C không liên quan đến vụ án nên không có cơ sở xử lý.

Đối với 01 thước cặp điện tử bằng kim loại dài 21 cm, 01 mỏ lết 12 inch là tài sản của Chiến. Do Chiến không có mặt nên cơ quan điều tra tạm giữ để xử lý sau.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave biển số 60X3-0595 là tài sản của Đinh Ngọc C, hiện chưa làm rõ với người đứng tên chủ sở hữu nên cơ quan điều tra tách ra xử lý sau.

Đối với 01 biển số xe 67M4-5461 thu giữ trong cốp xe của Đinh Ngọc C, hiện chưa làm việc được với chủ sở hữu nên cơ quan điều tra tách ra xử lý sau.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng của người tên “ Tí Bò”, hiện chưa làm việc với người tên Tí Bò nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tạm giữ làm rõ xử lý sau.

Quá trình điều tra chị T còn khai nhận bị mất số tiền 300.000đ, 01 nhẫn vàng 18k và một đôi bông tai vàng 18k. Tuy nhiên K và T khai không lấy những tài sản này nên không có cơ sở để xác định K và T chiếm đoạt tài sản nêu trên.

- Về bồi thường dân sự: Tại phiên tòa các bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của những người bị hại. Chị T và chị Thanh có đơn xin vắng mặt và yêu cầu Hội đồng xét xử bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật nên cần buộc các bị cáo bồi thường thiệt hại cho những người bị hại, cụ thể:

Buộc bị cáo Trịnh Quốc K bồi thường cho chị Nguyễn Thị Hồng N số tiền 9.400.000đ (chín triệu bốn trăm ngàn đồng).

Buộc bị cáo Trịnh Quốc K và Nguyễn Anh T có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho Chị T số tiền 5.211.500đ (năm triệu hai trăm mười một ngàn năm trăm đồng).

Buộc bị cáo Trịnh Quốc K và Nguyễn Anh T có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho Chị Thanh số tiền 5.211.500đ (năm triệu hai trăm mười một ngàn năm trăm đồng).

Buộc bị cáo Trịnh Quốc K và Nguyễn Anh T có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho Chị Trang số tiền 10.200.000đ (mười triệu hai trăm ngàn đồng).

Buộc bị cáo Trịnh Quốc K và Nguyễn Anh T có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho anh B số tiền 13.160.000đ (mười ba triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng).

Buộc các bị cáo K và T phải nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

-Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 kìm cộng lực bằng sắt, kích thước 70 cm x 20cm là công cụ K và T sử dụng vào việc phạm tội.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của các bị cáo, những người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Thực tế có cơ sở chứng minh, trong khoảng thời gian từ ngày 08/9/2019 đến ngày 29/02/2020, Nguyễn Anh T, Trịnh Quốc K và một đối tượng không rõ lai lịch đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp trên địa bàn Thành phố Biên Hòa, cụ thể:

-Vụ thứ nhất: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 09/8/2019, tại số nhà 75/30 thuộc khu phố 5, phường Trảng Dài, Thành phố B Trịnh Quốc K và một đối tượng không rõ lai lịch đã có hành vi trộm cắp một xe mô tô nhãn hiệu Sirius biển số 39F1-8008 trị giá 9.400.000đ (chín triệu bốn trăm ngàn đồng) của chị Nguyễn Thị Hồng N.

-Vụ thứ hai: Khoảng 12 giờ ngày 13/10/2019, tại nhà trọ số 1344/25/2/18 thuộc tổ 31, khu phố 7, phường Tân Phong, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Trịnh Quốc K và Nguyễn Anh T đã có hành vi trộm cắp 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Acer, 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell, 04 giỏ xách, 02 ví da. Tổng trị giá tài sản là 10.423.000đ (mười triệu bốn trăm hai mươi ba ngàn đồng) của chị Nguyễn Thị Phương T và chị Nguyễn Thị Thủy.

-Vụ thứ ba: Khoảng 12 giờ ngày 21/10/2019, tại số nhà 141/88 thuộc khu phố 2, phường Tân Phong, thành phố B, Trịnh Quốc K và Nguyễn Anh T đã có hành vi trộm cắp một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 47L1-098.42 trị giá 13.160.000đ của anh Phan Quốc B.

-Vụ thứ tư: Khoảng 9 giờ ngày 24/10/2019, tại số nhà 26/23 thuộc tổ 29, khu phố 3, phường Trảng Dài, thành phố B, Trịnh Quốc K và Nguyễn Anh T đã có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển số 60B1-162.42 trị giá 10.200.000đ (mười triệu hai trăm ngàn đồng) của chị Lê Thị T.

-Vụ thứ năm: Khoảng 20 giờ 30 phút tại số nhà 158/4 thuộc tổ 42, khu phố 9, phường Tân Phong, Thành phố B, Trịnh Quốc K đã có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Airblade biển số 60F3-444.78 trị giá 36.409.090đ (ba mươi sáu triệu bốn trăm lẻ chín ngàn không trăm chín mươi đồng), 01 bóp da và 1.000.000đ của anh Trần Văn D.

[3] Trong vụ án này bị cáo Trịnh Quốc K đã tham gia trộm cắp 05 vụ, tổng trị giá tài sản bị cáo K trộm cắp là 79.592.090đ (bảy mươi chín triệu năm trăm chín mươi hai ngàn không trăm chín mươi đồng). Bị cáo Nguyễn Anh T tham gia trộm cắp 03 vụ, tổng trị giá tài sản bị cáo T trộm cắp là 33.783.000đ (ba mươi ba triệu bảy trăm tám mươi ba ngàn đồng). Trong vụ án này các bị cáo phạm tội mang tính chuyên nghiệp, mục đích trộm cắp tài sản là nguồn sống chính của các bị cáo. Như vậy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trịnh Quốc K phạm tội “ Trộm cắp tài sản” được quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015; Bị cáo Nguyễn Anh T phạm tội “ Trộm cắp tài sản” được quy định tại các điểm b, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa thì thấy: Trong vụ án này các bị cáo phạm tội mang tính đồng phạm xong ở mức độ giản đơn. Các bị cáo đều có nhân thân xấu, phạm tội nhiều lần và mang tính chất chuyên nghiệp vì lấy việc trộm cắp tài sản làm nguồn sống chính. Bị cáo K là người rủ rê bị cáo T và khởi xướng việc trộm cắp tài sản. Bị cáo K là người có nhân thân xấu và có 01 tiền án về tội “ Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý, giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của những người bị hại với tổng số tiền là 79.592.090đ (bảy mươi chín triệu năm trăm chín mươi hai ngàn không trăm chín mươi đồng). Bị cáo T tích cực thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo T phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Tuy nhiên tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo và giáo dục các bị cáo có ý thức tuân thủ pháp luật.

[5] Về dân sự: Căn cứ các Điều 46 và 48 của Bộ luật hình sự; Các điều 584, 585 và 589 của Bộ luật dân sự năm 2015,

+ Buộc bị cáo Trịnh Quốc K bồi thường cho chị Nguyễn Thị Hồng Nhung số tiền 9.400.000đ.

+ Buộc bị cáo Trịnh Quốc K và Nguyễn Anh T có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho Chị Thủy số tiền 5.211.500đ (cụ thể mỗi bị cáo bồi thường cho chị Thủy số tiền 2.557.500đ).

+ Buộc bị cáo Trịnh Quốc K và Nguyễn Anh T có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho Chị Thanh số tiền 5.211.500đ (cụ thể mỗi bị cáo bồi thường cho chị Thanh số tiền 2.557.500đ).

+ Buộc bị cáo Trịnh Quốc K và Nguyễn Anh T có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho Chị Trang số tiền 10.200.000đ (cụ thể mỗi bị cáo bồi thường cho chị Trang số tiền 5.100.000đ)

+ Buộc bị cáo Trịnh Quốc K và Nguyễn Anh T có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho anh Bảo số tiền là 13.160.000đ (cụ thể mỗi bị cáo bồi thường cho anh Bảo số tiền 6.580.000đ).

Buộc các bị cáo K và T phải nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 kìm cộng lực bằng sắt, kích thước 70 cm x 20cm là công cụ K và T sử dụng vào việc phạm tội.

[7] Xét đề nghị của đại diện VKSND thành phố Biên Hòa phù hợp với nhận định nêu trên nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ các điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo Trịnh Quốc K). Căn cứ các điểm b, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo Nguyễn Anh T) .

- Tuyên bố các bị cáo: Trịnh Quốc K và Nguyễn Anh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Quốc K 04 (bốn) năm 06(sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03 tháng 03 năm 2020;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 01 tháng 11 năm 2019;

2. Về dân sự: Căn cứ các Điều 46 và 48 của Bộ luật hình sự; Các điều 584, 585 và 589 của Bộ luật dân sự năm 2015:

+ Buộc bị cáo Trịnh Quốc K bồi thường cho chị Nguyễn Thị Hồng Nhung số tiền 9.400.000đ (chín triệu bốn trăm ngàn đồng).

+ Buộc các bị cáo Trịnh Quốc K và Nguyễn Anh T có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho Chị Nguyễn Thị Thủy số tiền 5.211.500đ (năm triệu hai trăm mười một ngàn năm trăm đồng) [cụ thể mỗi bị cáo bồi thường cho chị Thủy số tiền 2.557.500đ].

+ Buộc các bị cáo Trịnh Quốc K và Nguyễn Anh T có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho Chị Nguyễn Thị Phương Thanh số tiền 5.211.500đ (năm triệu hai trăm mười một ngàn năm trăm đồng) [cụ thể mỗi bị cáo bồi thường cho chị Thanh số tiền 2.557.500đ].

+ Buộc các bị cáo Trịnh Quốc K và Nguyễn Anh T có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho Chị Lê Thị Trang số tiền 10.200.000đ (mười triệu hai trăm ngàn đồng) [cụ thể mỗi bị cáo bồi thường cho chị Trang số tiền 5.100.000đ].

+ Buộc các bị cáo Trịnh Quốc K và Nguyễn Anh T có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho anh Phan Quốc Bảo số tiền là 13.160.000đ (mười ba triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng) [cụ thể mỗi bị cáo bồi thường cho anh Bảo số tiền 6.580.000đ].

- Kể từ khi người yêu cầu có đơn yêu cầu thi hành án mà các bị cáo chưa thanh toán số tiền nêu trên thì các bị cáo còn phải chịu theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 - Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy 01 kim cộng lực bằng sắt, kích thước 70 cm x 20cm là công cụ K và T sử dụng vào việc phạm tội(vật chứng Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa đang quản lý theo biên bản giao nhận lập ngày 21/5/2020).

4. Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo K phải nộp 1.309.750 đ (một triệu ba trăm lẻ chín ngàn bảy trăm năm mươi đồng) án phí DSST; Bị cáo T phải nộp 844.575 đ (tám trăm bốn mươi bốn ngàn năm trăm bảy mươi lăm đồng) án phí DSST.

5. Các Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- Bị cáo, bị hại, người liên quan
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- VKSND tỉnh;
- Cơ quan điều tra;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Lưu h/s, án văn.

Nguyễn Triều Châu

